

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 1252 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 13 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế
thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 27/TTr-T.Tr ngày 01/7/2022 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra tỉnh (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8, Ban TCD, VP11.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN VÀ XỬ LÝ ĐƠN
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THANH TRA TỈNH
(Kèm theo Quyết định số: 1252 /QĐ-UBND ngày 13 /7/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------------------|--|---|-------------|--|
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban Tiếp công dân tỉnh; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh và các Sở. | Không | - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ ngày 01/10/2021 quy định quy trình tiếp công dân. |
| 2 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban Tiếp công dân tỉnh; bộ phận xử lý đơn của Thanh tra tỉnh và các Sở. | Không | - Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ ngày 01/10/2021 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|-------------------------------------|--|--|--------------------|--|
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện; Các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện. | Không | Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP. |
| 2 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | Ban Tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện; Các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện. | Không | Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP. |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

| TT | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|-----------|----------------------------------|--|---------------------------|--------------------|--|
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã | Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | UBND cấp xã | Không | Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP. |
| 2 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã | Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. | UBND cấp xã | Không | Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP. |